

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VINH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/DS-ST

Ngày: 10 - 7 - 2023

*V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VINH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Trịnh Văn Lộc

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vinh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vinh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vinh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2023/TLST-DS, ngày 20 tháng 3 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Trần Đại H, sinh năm 1973; địa chỉ: khóm N, phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Diễm M, sinh năm 1996; địa chỉ: khóm N, phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990, bà Bùi Thị T1, sinh năm 1995; Cùng địa chỉ: ấp T, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/3/2023 của nguyên đơn ông Trần Đại H; Biên bản ghi lời khai ngày 12/4/2023 (BL36) cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Diễm M trình bày: Từ ngày 02/4/2019 ông Trần Đại H (chủ hộ kinh doanh M) và ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị T1 có giao dịch mua bán thức ăn thủy sản và các loại hóa chất phục vụ cho việc

nuôi tôm. Đến ngày 03/3/2020 hai bên tiến hành ký hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản bằng văn bản. Hợp đồng có hiệu lực 01 năm, kể từ ngày 03/3/2020 đến 03/3/2021. Ông H, ông T, bà T1 thống nhất thỏa thuận theo hợp đồng ông H có nghĩa vụ cung cấp các mặt hàng thức ăn, thuốc và hóa chất phục vụ nuôi tôm mà ông H kinh doanh thông qua nhân viên Nguyễn Duy M (kỹ sư hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm). Hàng hóa ông T, bà T1 đến lấy hoặc người nhà đến cửa hàng lấy trực tiếp theo đơn đặt, sau khi nhận hàng phải tiến hành kiểm tra về số lượng, chất lượng, chủng loại, đơn giá sau khi đúng yêu cầu thì ký xác nhận vào sổ giao nhận hàng. Giá bán được niêm yết từng loại sản phẩm tại cửa hàng (giá bán theo từng thời điểm khác nhau tùy theo giá thị trường) và thông báo trực tiếp với ông T, bà T1 từng sản phẩm ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Phương thức thanh toán được thỏa thuận chậm nhất là vào ngày cuối cùng của vụ tôm nếu không thanh toán hết công nợ thì tùy trường hợp bên ông H có quyền ngừng giao hàng. Trường hợp nuôi thất tôm vẫn phải thanh toán công nợ vào cuối vụ. Ông H có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi ông T, bà T1 vi phạm hợp đồng hoặc không thanh toán hết công nợ, khi đó cũng sẽ không được tính chiết khấu cho các đơn hàng trước đó.

Đến ngày 20/11/2021 hai bên ngưng giao dịch và tiến hành xác nhận lại công nợ, khi đó ông T và bà T1 còn nợ lại số tiền là 66.068.000 đồng. Tính đến ngày khởi kiện ông T, bà T1 còn nợ lại ông H số tiền là 66.068.000 đồng, bên ông H đã nhiều lần liên hệ ông T, bà T1 nhưng đến nay ông T, bà T1 vẫn không thanh toán thêm tiền nợ.

Nay tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị T1 cùng liên đới thanh toán cho ông Trần Đại H số tiền còn nợ là 66.068.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị T1 thừa nhận là còn nợ nguyên đơn ông Trần Đại H số tiền 66.068.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng), do hoàn cảnh khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán, khi nào có tiền sẽ thanh toán cho ông Trần Đại H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng còn vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử lần thứ nhất. Chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Hội đồng xét xử đã xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn liên đới thanh toán số tiền mua thức ăn còn nợ là 66.068.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng) cho nguyên đơn. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Trần Đại H với bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị T1 là tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp Tân Thời, xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án: Vào năm 2019 nguyên đơn có bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho các bị đơn đến ngày 03/3/2020 hai bên có tiến hành lập hợp đồng mua bán, hàng hóa ông T và bà T1 đến lấy hoặc người nhà ông T đến lấy hàng tại kho của ông H, sau khi nhận hàng kiểm tra về số lượng, chất lượng, chủng loại đơn giá, kiểm tra đúng thì ký xác nhận vào sổ giao hàng. Khi kết toán lại thì ông T và bà T1 còn nợ ông H số tiền là 66.068.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng), hai bên có ký đối chiếu xác nhận công nợ và được bị đơn ông T thừa nhận không phản đối, tình tiết nêu trên nên nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận buộc các bị đơn liên đới trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 66.068.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng) cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị T1 thừa nhận là còn nợ nguyên đơn ông Trần Đại H số tiền 66.068.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng), do hoàn cảnh khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán, khi nào có tiền sẽ thanh toán cho ông Trần Đại H và không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý, vấn đề này sẽ được xem xét giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông T và bà T1 phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H đối với các bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị T1.

Buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn ông Trần Đại H số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 66.068.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông T và bà T1 phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị T1 phải liên đới cùng chịu án phí là 3.303.400 đồng (ba triệu ba trăm lẻ ba nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn ông Trần Đại H không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.651.700 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi một nghìn bảy trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007828 ngày 15/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng do ông Nguyễn Duy M nộp thay.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng

